PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2014/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2014*

THÔNG TƯ
Quy định việc xử lý, giải quyết tố cáo và quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật thi hành án hình sự ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Bộ luật tố tụng hình sự ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 91/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định việc xử lý, giải quyết tố cáo và quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc tiếp nhận, phân loại, xử lý thông tin tố cáo; giải quyết tố cáo và quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân.

2. Việc giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự, thi hành án hình sự và hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, phân loại, xử lý tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân.

2. Người tố cáo, cơ quan, đơn vị, cá nhân bị tố cáo; cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân gồm: Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, học viên các trường Công an nhân dân, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn, công nhân, viên chức, công dân được tạm tuyển và hợp đồng lao động trong Công an nhân dân.

2. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ là tố cáo cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân có hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh, trật tự là tố cáo cơ quan, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.

4. Tố cáo trong hoạt động tố tụng hình sự là tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên; của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trong hoạt động tố tụng hình sự.

5. Tố cáo trong thi hành án hình sự là tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự; của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trong hoạt động thi hành án hình sự.

6. Tố cáo cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân vi phạm các quy định của Bộ Công an là tố cáo cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân vi phạm phẩm chất đạo đức, quy tắc ứng xử, tiêu chuẩn cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân và các quy định khác của Bộ Công an.

Điều 4. Áp dụng pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo

1. Tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động, cư trú tại Việt Nam và việc giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên thuộc trách nhiệm giải quyết của Công an nhân dân được áp dụng theo quy định của Luật tố cáo; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; Nghị định số 91/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân (gọi tắt là Nghị định số 91/2013/NĐ-CP) và Thông tư này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Trường hợp pháp luật khác có quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo khác với quy định của Thông tư này thì áp dụng theo quy định của pháp luật đó.

Chương II
TIẾP NHẬN, XỬ LÝ THÔNG TIN TỐ CÁO

Điều 5. Tiếp nhận thông tin tố cáo

Cơ quan, đơn vị Công an các cấp khi tiếp nhận thông tin tố cáo phải vào sổ hoặc nhập vào hệ thống cơ sở dữ liệu để quản lý, theo dõi; đóng dấu *"Đến"* và ghi rõ ngày, tháng, năm nhận thông tin tố cáo. Cán bộ xử lý hoặc người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm bảo quản, không để hư hỏng, thất lạc, không làm thay đổi hình thức và nội dung đơn tố cáo hoặc văn bản ghi thông tin tố cáo.

Điều 6. Xử lý thông tin tố cáo thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Công an nhân dân

1. Xử lý thông tin tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải tổ chức kiểm tra, xác minh họ, tên, địa chỉ của người tố cáo và các nội dung khác để quyết định việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết tố cáo; thông báo bằng văn bản cho người tố cáo biết lý do không thụ lý (nếu họ không có yêu cầu giữ bí mật); trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn kiểm tra, xác minh có thể dài hơn nhưng không quá 15 ngày làm việc;

b) Đối với tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, nhưng thuộc trách nhiệm giải quyết của Công an nhân dân, thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được, cơ quan, đơn vị tiếp nhận tố cáo phải chuyển đến Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2013/NĐ-CP để xem xét, giải quyết; đồng thời thông báo bằng văn bản cho người tố cáo (nếu họ không yêu cầu giữ bí mật) và cơ quan Thanh tra Công an cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo biết;

c) Trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết thì chuyển đến Thủ trưởng cơ quan Công an cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo để xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 27 Luật tố cáo;

d) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân không thụ lý, giải quyết tố cáo trong các trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c Khoản 2 Điều 20 Luật tố cáo và có văn bản trả lời người tố cáo, nêu rõ lý do tố cáo không được thụ lý. Trường hợp đã trả lời mà còn tố cáo thì lưu đơn.

2. Xử lý thông tin tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự:

a) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị Công an cấp nào thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp đó có trách nhiệm xem xét, giải quyết;

b) Trường hợp tố cáo không thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị mình thì chuyển đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

3. Xử lý thông tin tố cáo trong hoạt động tố tụng hình sự:

a) Tố cáo Phó Thủ trưởng, Điều tra viên Cơ quan điều tra mà hành vi bị tố cáo không liên quan đến biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam thì chuyển đến Thủ trưởng Cơ quan điều tra cùng cấp của người bị tố cáo. Trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng Cơ quan điều tra hoặc tố cáo Phó Thủ trưởng, Điều tra viên Cơ quan điều tra đã được Thủ trưởng Cơ quan điều tra giải quyết nhưng người tố cáo không đồng ý mà có bằng chứng mới thì chuyển đến Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

b) Tố cáo liên quan đến hành vi bắt, tạm giữ, tạm giam của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng và Điều tra viên Cơ quan điều tra thì chuyển ngay đến Viện kiểm sát cùng cấp xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 3 Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

c) Tố cáo hành vi tố tụng hình sự của cán bộ, chiến sĩ Công an có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra thì chuyển đến Viện kiểm sát có thẩm quyền truy tố đối với người phạm tội mà người bị tố cáo đã tiến hành một số hoạt động điều tra để xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

4. Xử lý thông tin tố cáo trong hoạt động thi hành án hình sự:

a) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành án hình sự của Phó Thủ trưởng, cán bộ, chiến sĩ Công an thuộc Cơ quan thi hành án hình sự cấp nào thì chuyển đến Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp đó xem xét, giải quyết;

b) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành án hình sự của Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp nào thì chuyển đến Thủ trưởng Công an cấp đó xem xét, giải quyết. Nếu người bị tố cáo là Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Bộ Công an thì chuyển đến Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, giải quyết.

5. Tố cáo cán bộ, chiến sĩ Công an vi phạm các quy định khác của Bộ Công an thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp nào thì chuyển đến Thủ trưởng Công an cấp đó xem xét, giải quyết theo quy định của Bộ Công an.

6. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm phải chuyển ngay đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Điều 7. Xử lý thông tin tố cáo không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của Công an nhân dân

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan, đơn vị Công an nhận được thông tin tố cáo, nếu không thuộc thẩm quyền thì phải chuyển đến cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết như sau:

a) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức ngoài Công an nhân dân nhưng không có dấu hiệu tội phạm hoặc tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực, không thuộc trách nhiệm giải quyết của Công an nhân dân thì chuyển đến Thủ trưởng trực tiếp của cán bộ, công chức, viên chức đó xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 12 Luật tố cáo hoặc chuyển đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1, Điều 31 Luật tố cáo và thông báo cho người tố cáo biết (nếu họ có yêu cầu);

b) Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì hướng dẫn người tố cáo đến tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

2. Trường hợp nhận được thông tin tố cáo không thuộc trách nhiệm giải quyết của Công an nhân dân mà tố cáo đó đã đồng gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết; tố cáo trùng nội dung đã chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc đã được hướng dẫn thì lưu đơn.

Chương III
TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CÁN BỘ, CHIẾN SỸ CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, CÔNG VỤ

Điều 8. Thẩm quyền giải quyết tố cáo

Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2013/NĐ-CP. Trường hợp người bị tố cáo là cán bộ Công an xã, thị trấn không thuộc biên chế lực lượng Công an nhân dân thì thực hiện theo quy định tại Điều 12 Luật tố cáo.

Điều 9. Hình thức tố cáo, trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết tố cáo

1. Người tố cáo phải viết đơn ghi rõ họ, tên, địa chỉ, ngày, tháng, năm, nội dung tố cáo, ký tên hoặc điểm chỉ trực tiếp. Nếu người tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền để tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn hoặc

ghi lại nội dung tố cáo thành văn bản để người tố cáo ký hoặc điểm chỉ. Trường hợp tố cáo hành vi tham nhũng qua điện thoại hoặc qua mạng thông tin điện tử thì xử lý theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 55 Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng và quy định của Luật phòng, chống tham nhũng.

2. Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết tố cáo thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 91/2013/NĐ-CP và các quy định khác của Bộ Công an.

3. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm áp dụng kịp thời các biện pháp bảo vệ người tố cáo, ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra và xử lý người vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Việc xác minh, kết luận, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo. Quyết định xử lý tố cáo chỉ ban hành khi người bị tố cáo có vi phạm, cần phải áp dụng hình thức kỷ luật hoặc các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật. Người giải quyết tố cáo phải thông báo kết quả giải quyết tố cáo bằng văn bản cho người tố cáo (nếu họ yêu cầu), người bị tố cáo và cơ quan, cá nhân có trách nhiệm. Kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo (nếu có) phải được công khai theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 91/2013/NĐ-CP.

5. Trường hợp người tố cáo rút tố cáo thì xử lý theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 quy định quy trình giải quyết tố cáo của Thanh tra Chính phủ.

Chương IV
TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ

Điều 10. Thẩm quyền giải quyết tố cáo

1. Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh, trật tự thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật tố cáo và Điều 9 Nghị định số 91/2013/NĐ-CP.

2. Trường hợp người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính nhưng không phải là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an các cấp khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhận được thông tin tố cáo liên quan đến trách nhiệm của mình phải tiến hành kiểm tra, xác minh và áp dụng biện pháp cần thiết để đình chỉ ngay hành vi vi phạm; nếu có căn cứ để xử lý thì ra quyết định xử lý vi phạm hành chính, nếu vượt quá thẩm quyền của mình thì báo cáo người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo

Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh, trật tự thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Luật tố cáo và Điều 10, Điều 11 Nghị định số 91/2013/NĐ-CP.

Chương V
XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT TỐ CÁO LIÊN QUAN ĐẾN THẨM QUYỀN CỦA NHIỀU CƠ QUAN ĐƠN VỊ VÀ TỐ CÁO CÓ NHIỀU NỘI DUNG KHÁC NHAU

Điều 12. Tố cáo hành vi có liên quan đến thẩm quyền quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị Công an

Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ có liên quan đến thẩm quyền quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị Công an thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 5 Nghị định số 91/2013/NĐ-CP.

Điều 13. Giải quyết tố cáo có nội dung khiếu nại

Trường hợp tố cáo có nội dung khiếu nại thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền phải tách riêng nội dung tố cáo, nội dung khiếu nại để giải quyết; giải quyết nội dung tố cáo theo trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo; giải quyết nội dung khiếu nại theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại. Trường hợp nội dung khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì chuyển đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tố cáo có nhiều nội dung, lĩnh vực, thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau

Tố cáo có nhiều nội dung, lĩnh vực, thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau thì tách riêng nội dung tố cáo theo từng lĩnh vực để giải quyết theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về tố cáo ở lĩnh vực đó.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT VÀ QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 15. Trách nhiệm của Thủ trưởng Công an các cấp

Thủ trưởng Công an các cấp có trách nhiệm chỉ đạo công tác tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết và quản lý công tác giải quyết tố cáo thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 16. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra và cơ quan chức năng khác

1. Thanh tra Công an các cấp có trách nhiệm giúp Thủ trưởng Công an cùng cấp:

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý; kiểm tra, xác minh, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cùng cấp khi được giao theo đúng quy định của pháp luật về tố cáo và quy định của Thông tư này;

b) Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết và quản lý công tác giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cấp dưới;

c) Xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và tố cáo khác mà Thủ trưởng Công an cấp dưới trực tiếp đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật (trừ tố cáo về tiêu chuẩn cán bộ).

2. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý thông tin tố cáo từ các nguồn chuyển đến; kiểm tra, xác minh, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo về tiêu chuẩn cán bộ, chiến sĩ Công an thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân và của Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Phối hợp với Thanh tra Bộ Công an hoặc cơ quan chức năng cùng cấp xác minh, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo vừa có nội dung liên quan đến tiêu chuẩn cán bộ, chiến sĩ Công an vừa có nội dung liên quan đến công tác chuyên môn của cán bộ, chiến sĩ Công an thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng Bộ Công an;

c) Đôn đốc việc xác minh, kết luận việc giải quyết tố cáo liên quan đến tiêu chuẩn cán bộ, chiến sĩ Công an thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cấp dưới.

3. Cơ quan Tổ chức cán bộ Công an cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý thông tin tố cáo từ các nguồn chuyển đến; kiểm tra, xác minh, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo về tiêu chuẩn cán bộ, chiến sĩ Công an thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cùng cấp; thông báo kết quả xử lý tố cáo cho Cơ quan Thanh tra cùng cấp để theo dõi, quản lý;

b) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra hoặc cơ quan chức năng cùng cấp xác minh, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo vừa có nội dung liên quan đến tiêu chuẩn cán bộ, chiến sĩ Công an vừa có nội dung liên quan

đến công tác chuyên môn của cán bộ chiến sĩ Công an thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Công an cấp tỉnh.

4. Văn phòng Bộ Công an, Văn phòng Công an cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và chuyển cho Cơ quan Thanh tra cùng cấp xử lý tố cáo từ các nguồn chuyển đến;

b) Tiếp nhận và chuyển đến Thủ trưởng Công an có thẩm quyền giải quyết các tố cáo được phản ánh trên phương tiện thông tin đại chúng. Cơ quan Công an có thẩm quyền giải quyết phải thông báo kết quả giải quyết tố cáo trên cho cơ quan đã phản ánh, Cơ quan Thanh tra và Cơ quan Tổ chức cán bộ cùng cấp để thống nhất quản lý và phục vụ công tác quản lý cán bộ.

4. Cơ quan Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự các cấp trong Công an nhân dân có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết tố cáo thuộc lĩnh vực của mình và báo cáo Thủ trưởng cùng cấp kết quả giải quyết tố cáo; đồng thời thông báo cho Cơ quan Thanh tra cùng cấp để giúp Thủ trưởng theo dõi kết quả giải quyết.

Điều 17. Quản lý công tác giải quyết tố cáo

1. Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Điều 41 của Luật tố cáo.

2. Thủ trưởng Công an các cấp chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng Công an cấp trên trực tiếp về việc quản lý công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của mình.

3. Thanh tra Bộ giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sĩ trong toàn lực lượng Công an nhân dân; theo dõi kết quả giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh, trật tự thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an; theo dõi kết quả giải quyết tố cáo thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự và thi hành án hình sự trong toàn lực lượng Công an nhân dân.

4. Thanh tra Công an các cấp giúp Thủ trưởng cùng cấp thống nhất quản lý về công tác giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sĩ của đơn vị, địa phương mình; theo dõi kết quả giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh, trật tự, kết quả giải quyết tố cáo trong hoạt động tố tụng hình sự và trong thi hành án hình sự thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cùng cấp. Hàng tháng, sáu tháng, một năm có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cùng cấp báo cáo kết quả giải quyết tố cáo lên Thủ trưởng cấp trên trực tiếp (qua Cơ quan Thanh tra cùng cấp với Thủ trưởng cấp trên trực tiếp).

5. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân và Cơ quan Tổ chức cán bộ Công an các đơn vị, địa phương giúp Thủ trưởng cùng cấp thống nhất quản lý

về công tác giải quyết tố cáo liên quan đến tiêu chuẩn cán bộ thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cùng cấp. Hàng tháng, sáu tháng, một năm, Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm báo cáo kết quả giải quyết tố cáo lên Bộ trưởng và thông báo cho Thanh tra Bộ biết, theo dõi; Cơ quan tổ chức cán bộ Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cùng cấp báo cáo kết quả giải quyết tố cáo lên Thủ trưởng cấp trên trực tiếp (qua Cơ quan Thanh tra cùng cấp với Thủ trưởng cấp trên trực tiếp).

6. Cơ quan An ninh điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự các cấp trong Công an nhân dân giúp Thủ trưởng cùng cấp thống nhất quản lý về công tác giải quyết tố cáo thuộc lĩnh vực của mình. Hàng tháng, sáu tháng, một năm, Cơ quan An ninh điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an có trách nhiệm báo cáo kết quả giải quyết tố cáo lên Bộ trưởng và thông báo cho Thanh tra Bộ biết, theo dõi; Cơ quan An ninh điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cùng cấp báo cáo kết quả giải quyết tố cáo lên Thủ trưởng cấp trên trực tiếp (qua Cơ quan Thanh tra cùng cấp với Thủ trưởng cấp trên trực tiếp).

Điều 18. Báo cáo công tác giải quyết tố cáo

1. Báo cáo định kỳ hàng tháng về tố cáo và giải quyết tố cáo của các đơn vị trực thuộc Tổng cục, Bộ Tư lệnh, Công an cấp tỉnh và tương đương lên Thủ trưởng cấp trên trực tiếp (qua Cơ quan Thanh tra cùng cấp) vào ngày 15 hàng tháng.

2. Báo cáo định kỳ hàng tháng về tố cáo và giải quyết tố cáo của Tổng cục, Bộ Tư lệnh, Văn phòng Bộ, Công an cấp tỉnh và tương đương, các đơn vị trực thuộc Bộ lên Bộ trưởng (qua Thanh tra Bộ) vào ngày 20 hàng tháng; báo cáo sáu tháng vào ngày 25 tháng 5; báo cáo tổng kết vào ngày 25 tháng 11 hàng năm.

3. Báo cáo đột xuất phải gửi kịp thời theo yêu cầu.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2014.

Bãi bỏ những nội dung quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo tại Thông tư số 63/2010/TT-BCA(V24) ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn quản lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Công an nhân dân.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thanh tra Bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này. Thanh tra Công an các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này trong phạm vi đơn vị, địa phương mình.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Thanh tra Bộ) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Trần Đại Quang